

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Quốc Luật
Đại học Thủy Lợi

Trải qua 20 năm, chủ trương mở cửa thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đi vào hoạt động, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về tiếp nhận và sử dụng vốn đó và đang trở thành điểm đến đầy hứa hẹn của các nhà đầu tư nước ngoài.

Đáng chú ý là những năm gần đây vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng khá nhanh. Đến nay, tổng số vốn được đăng ký đã đạt hơn 70 tỷ USD. Theo tài liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 10 tháng đầu năm 2007, cả nước đã thu hút được 11,26 tỷ USD, bao gồm cả vốn cấp mới và vốn bổ sung, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 10/2007, cả nước đã cấp giấy chứng nhận 91 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 1,46 tỷ USD, đưa tổng số dự án cấp trong 10 tháng đầu năm 2007 lên 1.144 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt 9,73 tỷ USD, tăng 33,6% về số dự án và 59% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra có 26 lượt dự án bổ sung vốn trong tháng 10 với tổng số vốn đầu tư tăng thêm 196 triệu USD, đưa tổng số lượt dự án tăng vốn trong 10 tháng đầu năm 2007 lên 1,512 tỷ, USD bằng 71% cả về số dự án lẫn về vốn bổ sung so với cùng kỳ năm trước. Điều đáng khích lệ là vốn thực hiện 9 tháng đầu năm 2007 đã đạt 3,3 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ

năm 2006, là mức đạt cao nhất từ trước đến nay kể từ năm 1981- năm ban hành Luật Đầu tư nước ngoài.

Các dự án mới được cấp phép trong 10 tháng đầu 2007 vẫn tập trung vào lĩnh vực công nghiệp, chiếm 54,6% tổng số vốn đầu tư; lĩnh vực dịch vụ chiếm 43,6% tổng vốn đầu tư, còn lại xấp xỉ 2% đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Trong 50 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam thì Hàn Quốc tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với số vốn là 2,44 tỷ USD, chiếm 25% tổng số vốn đăng ký; British Virginia Island giữ vị trí thứ hai với số vốn đăng ký là 1,73 tỉ USD, chiếm 17,8% tổng số vốn đăng ký.

Trong số địa phương thu hút dự án đầu tư nước ngoài thì Bà Rịa - Vũng Tàu đã vươn lên đứng hàng đầu năm 2007 với việc tiếp nhận 1,06 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 10,9% tổng số vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ hai là thành phố Hồ Chí Minh với số vốn đầu tư đăng ký là gần 1 tỷ USD, chiếm 10% tổng số vốn đầu tư đăng ký. Hà Nội đứng thứ ba với số vốn đăng ký là 81 triệu USD, chiếm 9,1% tổng số vốn đầu tư đăng ký.

Không kể 15 dự án có qui mô vốn đầu tư lớn từ đầu năm 2007, chỉ riêng trong tháng 10 năm 2007, một số địa phương đã thu hút

được một số dự án qui mô lớn từ các tập đoàn đa quốc gia. Vĩnh Phúc có 2 dự án với 100% vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới. Đó là Tập đoàn Piagio (Italia) đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xe máy Vespa với vốn đầu tư ban đầu 45 triệu USD, dự kiến chính thức sản xuất vào tháng 6/2009 và Tập đoàn Intelligent Universal đăng ký tại B.V.Islands là công ty thành viên của Tập đoàn điện tử Capital - Đài Loan. Xây dựng nhà máy sản xuất máy tính xách tay công suất 40 triệu sản phẩm/năm với số vốn đăng ký 500 triệu USD (dự kiến sẽ giải ngân từ năm 2007 đến hết năm 2012). Tại tỉnh Ninh Bình có dự án vốn đầu tư 360 triệu USD sản xuất xi măng hệ dưỡng, công suất 3,6 triệu tấn/năm, dự kiến sau 2 năm xây dựng sẽ đưa vào sản xuất.

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số dự án có qui mô tương đối lớn được cấp giấy chứng nhận đầu tư đã tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm trước. Riêng một số dự án có qui mô vốn đầu tư lớn đã chiếm khoảng 55% tổng số vốn đăng ký cả nước trong 10 tháng đầu năm 2007. Qui mô vốn đầu tư cho một dự án đạt 8,5 triệu USD/dự án, cao hơn so với bình quân của cùng kỳ năm trước 6,7 triệu USD/dự án. Nhìn chung tình hình hoạt động của khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vẫn giữ mức tăng trưởng, nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã triển khai tích cực ngay trong tháng được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Cũng theo đánh giá của Cục Đầu tư nước ngoài, kết thúc năm 2007 Việt Nam đã thu hút được 14 - 15 tỷ USD vốn FDI, vượt chỉ tiêu đề ra trong năm 2007 là 12 tỷ USD.

Theo Báo cáo Đầu tư thế giới (WIR) năm 2007 của Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), Việt Nam đã vươn lên đứng thứ 6 trong tổng số 141 nền kinh tế được khảo sát, chỉ xếp sau Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Nga và Brasil. Trên thực tế hiện nay trong danh mục các dự án đang thương thảo đã có nhiều nhà đầu tư từ Mỹ, châu Âu, Trung Đông và từ các nước châu Á như Ấn Độ, Malaysia, Nhật Bản, Singapore đang dự định đầu tư lớn vào Việt Nam. Hiện đã có khoảng 48 dự án có qui mô lớn đang có ý định đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn là 50 tỷ USD.

Như vậy khu vực FDI đang khẳng định vai trò hàng đầu trong quá trình hội nhập quốc tế và khả năng cải thiện căn bản thực lực kinh tế, góp phần nâng cao vị trí cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Đạt được thành công đó là do Việt Nam đã xây dựng được các chính sách với bước đi đúng đắn thích hợp. Việt Nam đã xác định được các ngành tự do mở cửa, những ngành không cho đầu tư nước ngoài tham gia và những ngành mà muốn đầu tư phải có điều kiện và theo lộ trình. Khi đàm phán gia nhập WTO, Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ hay thực hiện cam kết mở cửa thị trường, Việt Nam đều xây dựng được các cam kết và lộ trình mở cửa thích hợp cho từng ngành, đảm bảo cho đầu tư nước ngoài, nhưng không ảnh hưởng

xấu tới tăng trưởng bền vững và dẫn đến đổ vỡ của đầu tư trong nước. Thực tế Việt Nam đã nỗ lực cải cách để áp dụng luật pháp và chính sách vào các hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực của Việt Nam trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông vận tải, thông tin, năng lượng.

Dưới con mắt của các tổ chức tài chính quốc tế có uy tín, Việt Nam đã có nhiều thay đổi về môi trường kinh doanh, nâng cao mức độ thuận lợi trong cạnh tranh.

Tập đoàn Tài chính quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới (WB) đã nhận định: Việt Nam đã có nhiều thay đổi về môi trường pháp lý trong những năm qua, góp phần cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh, nâng cao mức độ thuận lợi trong kinh doanh và thu hẹp khoảng cách với các quốc gia trong khu vực Đông Á.

Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong việc làm thông thoáng môi trường kinh doanh đang đi đúng hướng, đặc biệt những nỗ lực đáng kể trong việc bảo vệ các nhà đầu tư.

Việt Nam còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận tín dụng bằng việc mở rộng phạm vi tài sản có thể sử dụng để thế chấp. Bộ Luật Dân sự 2005 và Nghị định 163/2006 về giao dịch đã cho phép doanh nghiệp sử dụng bất động sản hiện có và sẽ có trong tương lai, hữu hình và vô hình làm tài sản bảo đảm khoản vay và nghĩa vụ trong hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra Việt Nam còn tăng cường bảo vệ nhà đầu tư thông qua việc ban hành Luật Doanh nghiệp mới. Luật đó quy định các hoạt động chính của công ty có sự tham gia của nhà đầu tư, đồng thời tăng cường yêu cầu công khai thông tin của công ty trong các giao dịch có các bên liên quan và đưa ra qui định về trách nhiệm của giám đốc và hội đồng quản trị công ty trong việc bảo toàn lợi ích của cổ đông và doanh nghiệp.

Theo báo cáo mới nhất của Tập đoàn Tài chính quốc tế và Ngân hàng Thế giới (khảo sát 178 quốc gia có mức độ dễ dàng trong hoạt động kinh doanh dựa trên 10 tiêu chí để xếp hạng), Việt Nam được xếp thứ 91 về mức độ tạo sự thông thoáng trong hoạt động kinh doanh; So với năm 2006 xếp thứ 104, như vậy tăng được 13 bậc. Đáng chú ý về phương diện tiếp cận vốn tín dụng, Việt Nam được xếp hạng thứ 48 năm 2007, so với năm 2006 xếp hạng 80, như vậy là đã có bước tăng ấn tượng, nhảy vọt 32 bậc.

Tuy vậy cũng cần đánh giá và nhận diện một số hạn chế còn tồn tại trong vấn đề thu hút vốn FDI để khắc phục, tạo điều kiện nhằm tăng nguồn vốn đầu tư nước ngoài hơn nữa.

- Trước hết về luật pháp, chính sách của Việt Nam tuy được cải thiện, bổ sung, nhưng còn thiếu đồng bộ, chưa tương thích hoàn toàn với thông lệ, luật pháp quốc tế. Nhiều chỉ số toàn cầu đã chỉ rõ Việt Nam tuy đã cố gắng nhiều trong thực hiện cải cách nhưng vẫn chưa theo kịp tốc độ các nước. Giáo sư Jales Riedel, phụ trách dự án Star Việt Nam,

đã nhận xét: “Lâu nay những qui định của Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam tuy đã được cải thiện nhưng thực tế vẫn tồn tại quan liêu hành chính nặng nề và tệ những nhiều”. Giáo sư cũng tham vấn: “Việt Nam cần khắc phục ngay kẽ hở trong thực thi các chính sách, luật pháp, môi trường đầu tư..., để tạo ra môi trường kinh doanh có tính ổn định, bền vững”.

- *Nhìn về tổng thể*, nếu so sánh về tỷ trọng vốn FDI trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội xét trong bối cảnh cần gia tăng huy động các nguồn vốn cho phát triển có thể thấy rõ tỷ trọng vốn FDI từ chỗ chiếm 30% năm 1995, tụt xuống còn 17,6% năm 2006. Như vậy lượng vốn FDI mới được thu hút qua các năm tuy có tăng về con số tuyệt đối nhưng lại tăng với tỷ lệ thấp hơn mức tăng đầu tư của các khu vực kinh tế khác. Như vậy kết quả thu hút vốn FDI vẫn chưa đạt yêu cầu, chưa xứng tiềm năng. Con số khoảng 48 dự án với tổng số vốn trên 50 tỷ USD được các nhà đầu tư nước ngoài triển khai, bàn thảo với các địa phương trong cả nước do Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố cũng chưa tạo được “cú huych” giúp Việt Nam chớp thời cơ, tăng sức cạnh tranh, tạo đà phát triển.

- Điều đáng lưu ý là số doanh nghiệp FDI hoạt động kém hiệu quả còn chiếm tỷ lệ không nhỏ, tỷ lệ doanh nghiệp bị giải thể trước hạn có thể nói là cao. Trong số 4.700 doanh nghiệp được cấp phép trong giai đoạn 2004 - 2007 đã có 540 doanh nghiệp giải thể, chiếm 11,5% tổng dự án được cấp phép. Số

doanh nghiệp không tập trung giải ngân, chậm triển khai, chậm tiến độ và gặp nhiều vướng mắc cũng khá lớn. Ví dụ điển hình là dự án nhà máy thép không gỉ của tập đoàn Samua QuianDing thuộc tập đoàn ChenSing (Đài Bắc) tại khu công nghiệp Mỹ Xuân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng vốn đầu tư là 700 triệu USD. Dự án này được cấp phép từ tháng 11/2005, nhưng đến hết năm 2007 vẫn chưa thực hiện. Gần đây nhất, dự án của tập đoàn Tycoon (Đài Bắc) liên doanh với tập đoàn Jinan (Trung Quốc) tại Quảng Ngãi với vốn đầu tư ban đầu là 1,05 tỷ USD có tình trạng tương tự. Dự án được cấp phép từ tháng 6/2006, đáng lẽ thời điểm khởi công là vào tháng 5/2007 nhưng đã bị lùi thời gian rất nhiều lần. Đến nay tập đoàn Jinan đã rút khỏi dự án và tập đoàn Tycoon lại lập liên doanh mới với công ty E.United sẽ đóng góp 90% vốn. Nguy cơ việc khởi công sẽ có thể còn bị treo lâu hơn nữa.

Điều đáng ngại là những điểm yếu này lại xảy ra trong bối cảnh cuộc cạnh tranh về thu hút vốn FDI đang ngày càng gay gắt, đang trở thành cuộc đua của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

- *Về mở cửa đón các nước vào đầu tư*, Việt Nam chủ yếu mới lôi cuốn được các nước châu Á, ASEAN nên mức độ về khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đi tắt đón đầu cho cuộc bứt phá về mẫu mã, chất lượng sản phẩm hướng tới định hướng phát triển kinh tế tri thức. Việt Nam chưa thu hút được nhiều dự án từ các nước công nghiệp phát triển với thế mạnh là

công nghệ nguồn và nhiều bí quyết công nghệ mới.

- *Về hoạt động thu hút*, phân luồng vốn cho sự phát triển đồng đều hợp lý trên toàn quốc FDI mới chỉ tập trung nhiều tại 3 vùng trọng điểm và các thành phố lớn. Trong khi đó các vùng có ý nghĩa chiến lược cần nhiều vốn như Tây Nguyên, Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long lại rất khó thu hút vốn. Lĩnh vực nông nghiệp thu hút vốn FDI còn chưa đáng kể. Các địa phương tranh thủ FDI thường chỉ chú trọng đến các lĩnh vực đem lại nguồn thu cao ngay như khách sạn, dịch vụ công nghiệp. Trung ương và địa phương hầu như chưa thật quan tâm chú ý đến xây dựng một chiến lược thích đáng thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp. Trong tháng 11/2007 mới có cuộc bàn thảo về xây dựng chiến lược và chỉ đạo việc thực hiện thu hút vốn này vào nông nghiệp. Chính vì vậy mà khoảng cách giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là ở khu vực các tỉnh miền núi miền Trung và Tây Nguyên càng tăng thêm ảnh hưởng lớn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Liên quan đến vấn đề này còn do kết cấu hạ tầng của Việt Nam còn yếu, không đồng bộ làm tăng chi phí, đội giá thành vận chuyển sản phẩm và nhất là gây nhiều trở ngại trong giao dịch, gây chậm trễ, lãng phí thời gian, có khi làm mất thời cơ trong hoạt động kinh doanh... Đường sá, sân bay, bến cảng, hệ thống thông tin liên lạc đã và đang là những nhược điểm lớn ảnh hưởng đến quá

trình đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế là vấn đề cần được quan tâm, nỗ lực khắc phục mạnh hơn nữa. Việc đó không chỉ làm để giảm lo ngại cho các nhà đầu tư từ bên ngoài mà còn phục vụ có hiệu quả cho phát triển kinh tế đồng đều, bền vững, hợp lý giữa các vùng, miền trong nước.

- Vấn đề nổi lên hiện nay và có lẽ cũng còn nhiều năm nữa mới khắc phục được là *vấn đề nhân lực*. Lau nay Việt Nam vẫn tự hào là quốc gia có tiềm năng nhân lực dồi dào với 53/84 triệu người trong độ tuổi lao động; mỗi năm cả nước xuất khẩu hàng vạn lao động (năm 2006 xuất khẩu 78.000). Những tương với thế mạnh này nền kinh tế nước nhà không phải lo gì về nhân công tuyển dụng, song thực tế hầu hết các khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp trong nước và FDI trên toàn quốc đều rơi vào tình trạng thiếu lao động trầm trọng. Jonah Levey giám đốc điều hành của Navigos Group tập đoàn sở hữu Việt Nam Work Com đã nhận định: “Chúng tôi nhận thấy rằng trong năm 2007 Việt Nam đã thu hút một lượng lớn nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nhưng thị trường trong nước lại không đáp ứng được lực lượng lao động... Chỉ đơn cử trường hợp của Intel khi nhà máy của họ đi vào hoạt động thì ít nhất cần đến 2.000 nhân công kỹ thuật cao. Không những vậy còn có nhiều dự án hàng tỷ USD khác đang chờ triển khai. Và không nghi ngờ gì nữa tất cả đều rất cần nhiều nhân lực giỏi”.

Như vậy cái khó của nhân lực là thiếu hụt trầm trọng lao động có tay nghề cao.

Thực tế trong những năm qua việc tuyển dụng các nhân viên kế toán, tài chính, tiếp thị, viễn thông đến nhân viên kĩ thuật các ngành công nghiệp, dịch vụ, khách sạn, du lịch đặc biệt là người quản lí điều hành... đều hết sức khó khăn, lượng tuyển được ngày càng giảm sút.

Qua điều tra của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, lực lượng lao động của nước ta trẻ, dồi dào, tha thiết muốn có việc làm, nhưng trình độ chuyên môn thấp, tay nghề còn non, tác phong công nghiệp chưa cao, ý thức kỉ luật còn kém, phần lớn ở nông thôn và đại đa số chưa qua đào tạo hoặc đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tế. Cuối 2005, lao động đã qua đào tạo chưa tới 30%, trong đó lao động thật sự có tay nghề chỉ được khoảng 15%. Ở nước ta tuy có nhiều trường đại học, cao đẳng và dạy nghề, nhưng số lượng đào tạo còn thiếu nhiều, chất lượng chưa tốt, chưa gắn đào tạo với yêu cầu thị trường. Nhiều doanh nghiệp nhận tuyển số học sinh, sinh viên tốt nghiệp phải tốn thời gian, công sức đào tạo lại. Nếu vấn đề nhân lực này không được tích cực giải quyết thì không chỉ khó khăn cho thu hút FDI, cho các doanh nghiệp trong nước, mà còn gây nên tình trạng cạnh tranh, giành giật nhân lực giữa các doanh nghiệp và tạo điều kiện cho nguồn nhân lực lớn từ nước ngoài nhập cư vào.

- Cuối cùng một điều cũng cần được quan tâm là *việc thẩm định giám sát các dự án sau khi đã cấp phép còn quá sơ sài*. Nhà nước cần phải xem xét năng lực tài chính, uy tín của các nhà đầu tư nước ngoài ngay từ đầu, nhất là các dự án lớn chiếm hàng trăm hecta đất của địa phương. Nếu công ty nào hoạt động ì ạch, không đúng với luận chứng dự án ban đầu thì cần phải xem xét lại, xử lý ngay.

Làn sóng FDI đang tràn vào Việt Nam. Dự kiến đến năm 2010 sẽ cần 21 tỷ USD vốn FDI để bảo đảm phát triển, tăng trưởng kinh tế với tốc độ 8 - 8.5% như hiện nay. Tranh thủ thời cơ này, Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa trong việc cải thiện môi trường kinh doanh để đạt những bước tiến khả quan hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Bộ Công thương năm 2007 tại Hội nghị tổng kết của Bộ, ngày 19/12/2007.
2. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng kết hoạt động năm 2007, ngày 21/12/2007.
3. Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) năm 2007.
4. Số liệu từ Vụ Tổng hợp thuộc Tổng cục Thống kê.